



Số: 0752/2010/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

### **VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2009 của Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính Viễn thông Sài Gòn ( gọi tắt là SPT) gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 6 năm 2010, từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty năm 2008 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 16 tháng 6 năm 2009 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến: (1) phạm vi kiểm toán bị giới hạn do Trung tâm điện thoại di động CDMA (S-telecom) do theo Công văn số 86661/BTC-CĐKT ngày 14 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính, Công ty SPT được tạm thời chưa thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của S-telecom vào báo cáo của SPT, số liệu kế toán của Trung tâm Nam Sài Gòn được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, (2) chưa trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt nam.

#### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### **Giới hạn về phạm vi kiểm toán**

Phạm vi kiểm toán bị giới hạn do Trung tâm điện thoại di động CDMA (S-telecom) do theo Công văn số 17128/BTC-CĐKT ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty SPT được tạm thời chưa thực hiện xem xét ảnh hưởng của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này vào báo cáo của SPT.

Số liệu kế toán của Trung tâm Nam Sài Gòn được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác và các Chi nhánh không thực hiện kiểm toán đang được tổng hợp trong Báo cáo tài chính 2009 của Công ty bao gồm Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Đà Nẵng và Trung tâm truyền dẫn đường dài trong nước và quốc tế STN do Trung tâm thành lập tháng 8 năm 2009 và 2 Chi nhánh Hà Nội và Đà Nẵng đã được kiểm soát chi phí bởi Văn phòng Công ty.



**Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên**

Như đã nêu tại thuyết minh V.13 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty chưa chuyển giao và tính khấu hao phần quản lý phí và chi phí lãi vay liên quan đến một số tài sản cố định có giá trị là 22.382.637.318 VND. Các chi phí này được Quyết toán vốn tháng 12 năm 2009 và tháng 1 năm 2010 Công ty đã ghi nhận bổ sung giá trị tài sản cố định chuyển giao cho các đơn vị trực thuộc.

Khoản tiền lương đã chi 2006 vượt mức chi được chấp thuận của Hội đồng quản trị là 2.416.046.739 VND đang được ghi nhận là khoản phải thu trên tài khoản tiền lương chờ xử lý.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính Viễn thông Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

Thuyết minh VI.15 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính. Việc thay đổi chính sách kế toán này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 5.061.473.294 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí như những năm trước.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**



**Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

**Hoàng Thanh Hải - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0198/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>458.498.755.548</b>	<b>405.115.564.882</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>31.102.390.231</b>	<b>109.530.908.115</b>
1. Tiền	111		31.102.390.231	109.530.908.115
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>89.759.423.800</b>	<b>27.476.272.400</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	123.984.520.000	102.275.708.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(34.225.096.200)	(74.799.435.600)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>293.036.972.757</b>	<b>197.885.749.870</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	132.658.688.553	144.817.287.718
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	35.899.691.686	18.636.703.514
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.6	32.723.335.251	30.256.738.905
5. Các khoản phải thu khác	135	V.7	104.405.413.509	16.359.917.506
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.8	(12.650.156.242)	(12.184.897.773)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>31.917.933.743</b>	<b>55.305.437.063</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.9	31.917.933.743	55.305.437.063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.682.035.017</b>	<b>14.917.197.434</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	8.937.617.875	4.210.273.610
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		330.236.817	2.845.891.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	1.400.324.604	1.400.324.604
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	2.013.855.721	6.460.707.613

204  
 ÔN  
 NH  
 M T  
 Ủ  
 PH

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.225.013.841.069</b>	<b>1.257.921.846.940</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>882.412.856.720</b>	<b>600.015.463.240</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	459.756.798.935	449.815.440.043
<i>Nguyên giá</i>	222		1.061.742.212.499	964.979.180.738
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(601.985.413.564)	(515.163.740.695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	27.870.003.606	27.549.808.664
<i>Nguyên giá</i>	228		40.228.239.273	37.707.201.469
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.358.235.667)	(10.157.392.805)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	394.786.054.179	122.650.214.533
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>299.722.955.582</b>	<b>606.924.528.244</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	268.163.030.627	268.163.030.627
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	31.559.924.955	345.919.497.617
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	-	(7.158.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.878.028.767</b>	<b>50.981.855.456</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14.981.880.143	21.353.268.105
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	21.137.843.622	18.148.902.615
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	6.758.305.002	11.479.684.736
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.683.512.596.617</b>	<b>1.663.037.411.822</b>

448-C.11  
 TY  
 HỮU HẠN  
 AN VÀ  
 AN  
 CHI MI

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>752.293.575.904</b>	<b>704.979.337.429</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>659.679.043.153</b>	<b>580.148.752.070</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	270.337.143.905	141.237.414.562
2. Phải trả người bán	312	V.22	280.093.277.561	340.746.455.266
3. Người mua trả tiền trước	313		9.076.683.364	10.110.012.482
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	2.484.134.439	958.739.544
5. Phải trả người lao động	315		(406.619.059)	6.135.191.462
6. Chi phí phải trả	316	V.24	34.010.955.169	23.441.673.051
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		43.647.743	199.665.420
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	64.039.820.030	57.319.600.283
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>92.614.532.751</b>	<b>124.830.585.359</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		6.202.370.590	5.646.142.165
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	85.684.987.160	117.339.287.083
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		727.175.001	1.845.156.111
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>931.219.020.713</b>	<b>958.058.074.393</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.27	<b>929.151.248.452</b>	<b>955.757.068.655</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	467.499.910.000	425.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	498.140.411.000	540.722.511.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.27	(5.061.473.294)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	19.213.012.703	19.772.689.703
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	6.387.727.643	6.387.727.643
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	(57.028.339.600)	(36.125.859.691)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.067.772.261</b>	<b>2.301.005.738</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.067.772.261	2.301.005.738
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.683.512.596.617</b>	<b>1.663.037.411.822</b>

T.N.H.H

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.317.737.655	1.317.737.655
5. Ngoại tệ các loại:			-
Dollar Mỹ (USD)		206.329,13	54.854
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.HCM, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Trương Đình Thức  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng

Hồ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

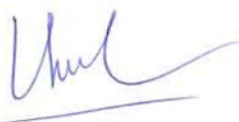
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2009

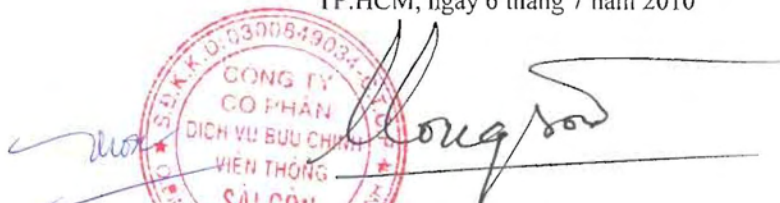
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	823.856.366.577	957.756.236.309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	504.800.335	18.548.210
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		823.351.566.242	957.737.688.099
4. Giá vốn hàng bán	11		732.180.118.991	806.272.790.319
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.171.447.251	151.464.897.780
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	55.025.170.066	28.450.571.445
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	40.839.180.879	113.672.943.618
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.181.516.528	15.593.075.437
8. Chi phí bán hàng	24		17.004.626.999	21.380.027.229
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		99.929.044.466	99.451.364.147
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.576.235.028)	(54.588.865.769)
11. Thu nhập khác	31		1.412.394.552	11.062.767.016
12. Chi phí khác	32		4.804.309.313	3.777.917.248
13. Lợi nhuận khác	40		(3.391.914.761)	7.284.849.768
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14.968.149.789)	(47.304.016.001)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	-	1.662.056.688
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.988.941.007)	(12.157.198.592)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.979.208.782)	(36.808.874.097)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	(282)	(1.133)

TP.HCM, ngày 6 tháng 7 năm 2010



Trương Đình Thúc  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng

Hồ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(14.968.149.789)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13-14	97.796.974.086
- Các khoản dự phòng	03		(47.267.080.931)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.2	(30.705.233.788)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	(10.181.516.528)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.325.006.950)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(93.100.826.566)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		23.387.503.320
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(54.995.178.030)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.481.172.407
- Tiền lãi vay đã trả	13		10.181.516.528
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8.611.890.259
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(105.758.929.032)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13-15	(121.955.708.407)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.196.867.639
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.2	11.083.338.942
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(60.675.501.826)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.27	(82.190.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21-V.26	373.736.084.276
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21-V.26	(285.450.495.093)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(100.882.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>88.102.516.683</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(78.331.914.175)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	109.530.908.115
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(96.603.709)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31.102.390.231

TP.HCM, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Trương Đình Thức  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng

Hồ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Nhà nước, cổ phần, TNHH, TNHH có vốn đầu tư nước ngoài,...
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ viễn thông.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

##### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

##### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký sổ cái.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền riêng nguyên vật liệu, hàng hóa là thiết bị viễn thông theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>	<u>Số năm</u>
	2009	2008
Nhà cửa, vật kiến trúc	15	6 – 15
Máy móc và thiết bị	6	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5	3 – 4
Tài sản cố định khác – mạng cáp	6	6

Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh tăng thời gian khấu hao của các tài sản trong khung cho phép của Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, việc điều chỉnh này làm giảm chi phí khấu hao của năm 2009 so với năm 2008 khoảng gần 10 tỷ VND.

### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 7. Tài sản cố định vô hình

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

#### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

## 10. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

## 11. Chi phí trả trước dài hạn

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

## 12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Năm 2009 Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc.

## 13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

## 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm tài chính 2009 kết quả kinh doanh của Công ty lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp.

## 15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

478  
NG  
HIỆM  
TOÁ  
V  
HỒ

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.

Việc thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 5.061.473.294 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí như những năm trước.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD  
31/12/2009 : 17.941 VND/USD

### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.4.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.189.730.183	2.168.902.667
Tiền gửi ngân hàng	29.912.660.048	107.362.005.448
<b>Cộng</b>	<b>31.102.390.231</b>	<b>109.530.908.115</b>

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	105.984.520.000	84.275.708.000
- Cổ phiếu <i>Sàn: 20.800.000.000</i>	105.984.520.000	84.275.708.000
Đầu tư ngắn hạn khác <i>ETB: 85.183.520.000</i>	18.000.000.000	18.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	18.000.000.000	18.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>123.984.520.000</b>	<b>102.275.708.000</b>

18/C  
FY  
ƯU H  
I VÀ  
N  
CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(34.225.096.200)	(74.799.435.600)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>(34.225.096.200)</b>	<b>(74.799.435.600)</b>

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng văn phòng Công ty	475.224.540	11.005.540.308
Phải thu khách hàng Trung tâm điện thoại STC	37.903.501.957	34.372.011.154
Phải thu khách hàng Trung tâm viễn thông IP	74.006.662.002	70.640.780.515
Phải thu khách hàng Trung tâm bưu chính Sài Gòn	12.853.418.406	10.800.994.083
Phải thu khách hàng khác	7.895.106.188	29.003.501.966
<b>Cộng</b>	<b>132.658.688.553</b>	<b>144.817.287.718</b>

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán của văn phòng Công ty	33.630.999.492	16.005.870.963
Khác	2.268.692.194	2.630.832.551
<b>Cộng</b>	<b>35.899.691.686</b>	<b>18.636.703.514</b>

**6. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Hợp đồng của Trung tâm Dịch vụ viễn thông SPT ghi nhận theo tiến độ hoàn thành	32.723.335.251	30.256.738.905
<b>Cộng</b>	<b>32.723.335.251</b>	<b>30.256.738.905</b>

**7. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm S-Telecom	94.540.507.076	13.617.590.000
Điện lực TP. HCM - chi phí thuê cột điện	3.672.338.676	-
Các khoản phải thu khác	6.192.567.757	2.742.327.506
<b>Cộng</b>	<b>104.405.413.509</b>	<b>16.359.917.506</b>

**8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(12.650.156.242)	(12.184.897.773)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	(1.520.743.018)	(2.297.345.633)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(4.551.508.773)	(3.195.507.651)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(5.427.915.201)	(5.284.504.489)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	(1.149.989.250)	(1.407.540.000)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>(12.650.156.242)</b>	<b>(12.184.897.773)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 9. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	81.600.000	2.068.710.000
Nguyên liệu, vật liệu	20.354.311.568	40.584.917.507
Công cụ, dụng cụ	1.973.026.949	2670330641
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.031.931.081	6.035.063.210
Thành phẩm	93.528.912	79.332.085
Hàng hóa	1.383.535.233	3.867.083.620
<b>Cộng</b>	<b><u>31.917.933.743</u></b>	<b><u>55.305.437.063</u></b>

### 10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí CCDC	1.043.852.698	5.615.690.742	(3.045.850.844)	(1.391.577.322)	2.222.115.274
Chi phí sửa chữa	469.826.152	846.603.848	(733.611.191)	-	582.818.809
Chi phí thuê nhà, văn phòng	835.192.545	5.075.668.386	(5.209.586.331)	-	701.274.600
Chi phí khuyến mãi, tiếp thị, bảo trì	710.594.106	3.692.682.884	(2.288.668.061)	-	2.114.608.929
Phí bảo hiểm TSCĐ	202.088.266	234.048.025	(264.922.166)	-	171.214.125
Chi phí trả trước ngắn hạn của Trung tâm truyền dẫn đường dài trong nước và quốc tế STN	-	1.905.196.506	-	-	1.905.196.506
Các chi phí khác	262.001.841	708.940.710	(698.171.783)	-	272.770.768
Các Chi nhánh khác	686.718.002	3.901.437.092	(3.620.536.230)	-	967.618.864
<b>Cộng</b>	<b><u>4.210.273.610</u></b>	<b><u>21.980.268.193</u></b>	<b><u>(15.861.346.606)</u></b>	<b><u>(1.391.577.322)</u></b>	<b><u>8.937.617.875</u></b>

### 11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.400.324.604	1.400.324.604
<b>Cộng</b>	<b><u>1.400.324.604</u></b>	<b><u>1.400.324.604</u></b>

### 12. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.943.855.721	6.385.207.613
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	70.000.000	75.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.013.855.721</u></b>	<b><u>6.460.707.613</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	44.989.218.207	876.484.381.339	22.080.998.200	21.424.582.992	964.979.180.738
Tăng trong năm	7.562.448.717	97.784.499.783	2.449.401.816	3.073.123.842	110.869.474.158
<i>Mua sắm mới</i>	4.874.929.811	7.242.226.541	944.951.408	2.043.411.487	15.105.519.247
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	2.687.518.906	89.498.885.064	1.504.450.408	1.029.712.355	94.720.566.733
<i>Phân loại lại</i>	-	1.043.388.178	-	-	1.043.388.178
Giảm trong năm	(6.301.610.561)	(4.654.491.863)	(598.914.780)	(2.551.425.193)	(14.106.442.397)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(1.660.978.330)	(4.654.491.863)	(76.900.000)	(2.030.051.795)	(8.422.421.988)
<i>Phân loại lại</i>	(4.640.632.231)	-	(522.014.780)	(521.373.398)	(5.684.020.409)
<b>Số cuối năm</b>	<b>46.250.056.363</b>	<b>969.614.389.259</b>	<b>23.931.485.236</b>	<b>21.946.281.641</b>	<b>1.061.742.212.499</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.037.932.258	147.205.983.325	8.565.757.918	14.812.001.586	174.621.675.087
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	10.694.373.097	471.056.837.611	15.057.725.173	18.354.804.814	515.163.740.695
Tăng trong năm	3.001.413.707	88.786.703.218	2.988.236.088	914.846.993	95.691.200.006
<i>Khấu hao trong năm</i>	3.001.413.707	88.655.263.550	2.930.574.974	914.846.993	95.502.099.224
<i>Phân loại lại</i>	-	131.439.668	57.661.114	-	189.100.782
Giảm trong năm	(1.086.878.388)	(4.654.491.863)	(1.054.744.091)	(2.073.412.795)	(8.869.527.137)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(283.374.867)	(4.654.491.863)	(76.900.000)	(2.030.051.795)	(7.044.818.525)
<i>Phân loại lại</i>	(803.503.521)	-	(977.844.091)	(43.361.000)	(1.824.708.612)
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.608.908.416</b>	<b>555.189.048.966</b>	<b>16.991.217.170</b>	<b>17.196.239.012</b>	<b>601.985.413.564</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	34.294.845.110	405.427.543.728	7.023.273.027	3.069.778.178	449.815.440.043
<b>Số cuối năm</b>	<b>33.641.147.947</b>	<b>414.425.340.293</b>	<b>6.940.268.066</b>	<b>4.750.042.629</b>	<b>459.756.798.935</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 490.598.123.142 VND và một số tài sản hình thành từ vốn vay đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.

Công ty chưa chuyển giao và tính khấu hao phần quản lý phí và chi phí lãi vay liên quan đến một số tài sản cố định có giá trị là 22.382.637.318 VND. Các chi phí này được Quyết toán vốn tháng 12 năm 2009 và tháng 1 năm 2010 Công ty đã ghi nhận bổ sung giá trị tài sản cố định chuyển giao cho các đơn vị trực thuộc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	23.612.809.104	50.000.000	14.025.678.358	18.714.007	37.707.201.469
Tăng trong năm	96.240.000	-	2.424.797.804	-	2.521.037.804
Mua trong năm	96.240.000	-	2.424.797.804	-	2.521.037.804
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.709.049.104</b>	<b>50.000.000</b>	<b>16.450.476.162</b>	<b>18.714.007</b>	<b>40.228.239.273</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	50.000.000	8.324.829.279	18.714.007	8.393.543.286
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	-	50.000.000	10.088.678.798	18.714.007	10.157.392.805
Tăng trong năm	-	-	2.294.874.862	-	2.294.874.862
Khấu hao trong năm	-	-	2.294.874.862	-	2.294.874.862
Giảm trong năm	-	-	(94.032.000)	-	(94.032.000)
Phân loại lại	-	-	(94.032.000)	-	(94.032.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>50.000.000</b>	<b>12.289.521.660</b>	<b>18.714.007</b>	<b>12.358.235.667</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	23.612.809.104	-	3.936.999.560	-	27.549.808.664
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.709.049.104</b>	<b>-</b>	<b>4.160.954.502</b>	<b>-</b>	<b>27.870.003.606</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân loại lại	Kết chuyển tăng TSCĐ và giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	122.650.214.533	209.936.851.884	262.663.459.505	(200.464.471.743)	394.786.054.179
- Dự án mạng thử nghiệm NGN	35.546.556.200	-	-	-	35.546.556.200
- Dự án mạng AAG	3.353.515.825	14.819.927.851	262.527.255.023	-	280.700.698.699
- Mạng ĐTCD Tây Bắc TP.HCM	10.095.285.900	30.061.152.967	-	(39.997.044.523)	159.394.344
- Dự án Mạng Truyền dẫn Microwave SPT	22.795.725.875	5.419.023.461	-	(910.323.290)	27.304.426.046
- Mở rộng mạng ĐTCD & ADSL 2008-2009	23.210.116.131	51.829.040.242	-	(28.846.826.623)	46.192.329.750
- XDCB dở dang của Trung tâm Điện thoại SPT	1.503.892.516	-	1.741.392.101	(14.741.210)	3.230.543.407
- Các công trình khác	26.145.122.086	107.807.707.363	(1.605.187.619)	(130.695.536.097)	1.652.105.733
<b>Cộng</b>	<b>122.650.214.533</b>	<b>209.936.851.884</b>	<b>262.663.459.505</b>	<b>(200.464.471.743)</b>	<b>394.786.054.179</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Vốn đầu tư</u>
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát - Trung tâm điện thoại di động CDMA (S-telecom)	268.163.030.627
<b>Cộng</b>	<b>268.163.030.627</b>

Theo Công văn số 17128/BTC-CDKT ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty được tạm thời chưa thực hiện xem xét ảnh hưởng của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này vào Báo cáo tài chính 2009 của SPT.

**17. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư xây dựng & bảo dưỡng hệ thống cáp quang biển - AAG-	-	220.494.617.617
Đầu tư công ty con SPT Tower	4.749.643.896	-
Đầu tư cổ phiếu	26.782.523.810	125.424.880.000
Đầu tư dài hạn khác	27.757.249	-
<b>Cộng</b>	<b>31.559.924.955</b>	<b>345.919.497.617</b>

**18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(7.158.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>(7.158.000.000)</b>

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Hoàn nhập trong năm</u>	<u>Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.755.655.687	-	(3.282.044.483)	-	3.473.611.204
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	11.393.246.928	6.270.985.490	-	-	17.664.232.418
<b>Cộng</b>	<b>18.148.902.615</b>	<b>6.270.985.490</b>	<b>(3.282.044.483)</b>	<b>-</b>	<b>21.137.843.622</b>

**20. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	6.758.305.002	11.479.684.736
<b>Cộng</b>	<b>6.758.305.002</b>	<b>11.479.684.736</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Vốn đầu tư</u>
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát - Trung tâm điện thoại di động CDMA (S-telecom)	268.163.030.627
<b>Cộng</b>	<b>268.163.030.627</b>

Theo Công văn số 17128/BTC-CĐKT ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty được tạm thời chưa thực hiện xem xét ảnh hưởng của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này vào Báo cáo tài chính 2009 của SPT.

**17. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư xây dựng & bảo dưỡng hệ thống cáp quang biển - AAG-	-	220.494.617.617
Đầu tư công ty con SPT Tower	4.749.643.896	-
Đầu tư cổ phiếu	26.782.523.810	125.424.880.000
Đầu tư dài hạn khác	27.757.249	-
<b>Cộng</b>	<b>31.559.924.955</b>	<b>345.919.497.617</b>

**18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(7.158.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>(7.158.000.000)</b>

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Hoàn nhập trong năm</u>	<u>Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.755.655.687	-	(3.282.044.483)	-	3.473.611.204
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	11.393.246.928	6.270.985.490	-	-	17.664.232.418
<b>Cộng</b>	<b>18.148.902.615</b>	<b>6.270.985.490</b>	<b>(3.282.044.483)</b>	<b>-</b>	<b>21.137.843.622</b>

**20. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	6.758.305.002	11.479.684.736
<b>Cộng</b>	<b>6.758.305.002</b>	<b>11.479.684.736</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	183.376.961.012	52.682.515.734
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam <sup>(a)</sup>	110.792.188.911	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu <sup>(a)</sup>	56.128.560.153	-
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam <sup>(a)</sup>	16.456.211.948	32.682.515.734
Vay ngắn hạn các tổ chức		
- Vay Công ty CP ĐTPT hạ tầng KCN cao	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.45)	71.960.182.893	73.554.898.828
<b>Cộng</b>	<b><u>270.337.143.905</u></b>	<b><u>141.237.414.562</u></b>

(a) Các khoản vay Ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỉ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	52.682.515.734	314.066.720.624	-	(183.231.493.821)	(140.781.525)	183.376.961.012
Vay ngắn hạn các tổ chức	15.000.000.000	-	-	-	-	15.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	73.554.898.828	-	71.020.433.293	(81.634.025.837)	9.018.876.609	71.960.182.893
<b>Cộng</b>	<b><u>141.237.414.562</u></b>	<b><u>314.066.720.624</u></b>	<b><u>71.020.433.293</u></b>	<b><u>(264.865.519.658)</u></b>	<b><u>8.878.095.084</u></b>	<b><u>270.337.143.905</u></b>

**22. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán văn phòng Công ty	58.475.357.159	80.388.152.270
Phải trả người bán Trung tâm viễn thông IP	192.256.253.698	234.801.358.902
Phải trả người bán Trung tâm điện thoại STC	22.276.891.714	19.336.846.046
Phải trả người bán Trung tâm bưu chính Sài Gòn	1.675.080.770	1.276.011.852
Các khách hàng khác	5.409.694.220	4.944.086.196
<b>Cộng</b>	<b><u>280.093.277.561</u></b>	<b><u>340.746.455.266</u></b>

**23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	62.291.634	1.580.421.498
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	19.261.233
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.400.324.604)	(1.400.324.604)
Thuế thu nhập cá nhân	553.166.088	394.824.955
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	343.281.822	489.626.753
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(441.585.060)</u></b>	<b><u>1.083.809.835</u></b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.11)

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh số IV.14.

Kết quả kinh doanh 2009 của Công ty lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp.

***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**24. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí kết nối	2.813.869.325	7.030.980.919
Phí hoa hồng đại lý	569.033.389	845.706.876
Tiền thuê mặt bằng	18.730.612.955	92.970.000
Tiền điện thoại, vệ sinh, nước, khắc phụ sự cố cáp, trồng trụ điện	1.843.548.985	3.924.984.085
Trích trước chi phí công trình của STS	7.787.560.561	7.497.191.166
Chi phí phải trả khác	2.266.329.954	4.049.840.005
<b>Cộng</b>	<b><u>34.010.955.169</u></b>	<b><u>23.441.673.051</u></b>

**25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	919.596.049	741.379.444
Bảo hiểm xã hội	374.752.120	334.618.925
Bảo hiểm y tế	303.278.100	267.101.647
Bảo hiểm thất nghiệp	61.008.866	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	710.211.666	719.211.666
Cổ tức phải trả	593.423.001	694.305.501
Quỹ viễn thông công ích	41.714.701.090	34.831.177.255
Các khoản phải trả khác	19.362.849.138	19.731.805.845
<b>Cộng</b>	<b><u>64.039.820.030</u></b>	<b><u>57.319.600.283</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 26. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>85.684.987.160</b>	<b>117.339.287.083</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam <sup>(a)</sup>	19.359.811.862	23.054.613.073
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(b)</sup>	23.993.620.613	52.246.918.846
- Ngân hàng TMCP Á Châu <sup>(c)</sup>	6.482.762.400	40.347.592.952
- Ngân hàng TMCP Phương Đông <sup>(d)</sup>	357.241.192	1.690.162.212
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam <sup>(e)</sup>	35.491.551.093	-
<b>Cộng</b>	<b>85.684.987.160</b>	<b>117.339.287.083</b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam để đầu tư xây dựng nhà trạm, mua sắm máy móc thiết bị và các chi phí khác. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam để đầu tư xây dựng nhà trạm, mua sắm máy móc thiết bị và các chi phí khác. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu để đầu tư trang thiết bị viễn thông của SPT cho trung tâm dịch vụ viễn thông IP, chi nhánh Đà Nẵng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông để đầu tư xây dựng Trung tâm bưu chính viễn thông SPT. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam để vay góp vốn xây dựng và bảo dưỡng tuyến cáp quang biển Asia - America Gateway (AAG). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay như sau:

Số đầu năm	117.339.287.083
Số tiền vay phát sinh trong năm	59.669.363.652
Chênh lệch tỉ giá	281.745.153
Số tiền vay đã trả trong năm	(20.584.975.435)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(71.020.433.293)
<b>Số cuối năm</b>	<b>85.684.987.160</b>

### 27. Vốn chủ sở hữu

#### **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Vốn pháp định theo Giấy phép đầu tư	467.499.910.000
Vốn pháp định đã đầu tư của chủ sở hữu	467.499.910.000
<b>Vốn pháp định còn phải đầu tư</b>	<b>-</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.749.991	42.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	46.370.234	42.163.174
-	379.757	336.746
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	80
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	46.370.234	42.163.254
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	379.757	336.746

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### *Chênh lệch tỷ giá hối đoái*

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

### *Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	823.856.366.577	957.756.236.309
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	2.249.939.920	1.295.462.522
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	821.606.426.657	956.460.773.787
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(504.800.335)	(18.548.210)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	(504.800.335)	(18.548.210)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>823.351.566.242</u></b>	<b><u>957.737.688.099</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	7.020.368.942	18.238.027.487
Lãi đầu tư cổ phiếu	20.073.362.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.062.970.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.868.469.124	6.912.302.277
Khác	-	3.300.241.681
<b>Cộng</b>	<b><u>55.025.170.066</u></b>	<b><u>28.450.571.445</u></b>

**3. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.181.516.528	15.593.075.437
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.419.802.664	14.674.752.930
Khác	16.237.861.687	83.405.115.251
<b>Cộng</b>	<b><u>40.839.180.879</u></b>	<b><u>113.672.943.618</u></b>

**4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.979.208.782)	(36.808.874.097)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(11.979.208.782)	(36.808.874.097)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	42.535.417	32.500.150
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(282)</u></b>	<b><u>(1.133)</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	42.500.000	32.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2008	-	150
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 12 năm 2009	35.417	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>42.535.417</u></b>	<b><u>32.500.150</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Số liệu năm trước không được lập theo phương pháp gián tiếp nên không có số liệu so sánh.

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

##### *Thay đổi chính sách kế toán*

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Năm 2009 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.15). Theo đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 5.061.473.294 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí như những năm trước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu điều chỉnh lại
<i>Bảng cân đối kế toán</i>			
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	222	964.979.180.738	1.000.525.736.938
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	122.650.214.533	87.103.658.333

#### 2. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh tăng thời gian khấu hao của các tài sản trong khung cho phép của thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, việc điều chỉnh này làm giảm chi phí khấu hao của năm 2009 so với năm 2008 khoảng gần 10 tỷ VND.

TP.HCM, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Trương Đình Thức  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng

Hồ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Địa chỉ: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Phụ lục 1

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	325.000.000.000	639.948.631.000	-	-	4.228.517.849	66.767.515.251	1.035.943.164.100
Vốn tăng trong năm trước	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(36.808.874.097)	(36.808.874.097)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(1.500.000)	-
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	19.084.054.555	2.159.209.794	(24.578.870.652)	(3.335.606.303)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(41.741.025.000)	(41.741.025.000)
Kết chuyển cổ phiếu ESOP	-	783.170.000	-	783.170.000	-	-	1.566.340.000
Khác	-	(9.290.000)	-	(94.534.852)	-	236.894.807	133.069.955
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>425.000.000.000</b>	<b>540.722.511.000</b>	<b>-</b>	<b>19.772.689.703</b>	<b>6.387.727.643</b>	<b>(36.125.859.691)</b>	<b>955.757.068.655</b>
Số dư đầu năm nay	425.000.000.000	540.722.511.000	-	19.772.689.703	6.387.727.643	(36.125.859.691)	955.757.068.655
Tăng vốn	42.499.910.000	(42.499.910.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(11.979.208.782)	11.979.208.782
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	(5.061.473.294)	-	-	(1.600.215.480)	6.661.688.774
Chuyển lãi 2008 về cho Phú Mỹ Hưng	-	-	-	-	-	(7.323.055.647)	7.323.055.647
Thu hồi cổ phiếu ưu đãi và hoàn trả tiền	-	(82.190.000)	-	-	-	-	82.190.000
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	(559.677.000)	-	-	559.677.000
<b>Số dư cuối năm nay/kỳ</b>	<b>467.499.910.000</b>	<b>498.140.411.000</b>	<b>(5.061.473.294)</b>	<b>19.213.012.703</b>	<b>6.387.727.643</b>	<b>(57.028.339.600)</b>	<b>929.793.115.452</b>

\* SST trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 1.550.215.480 từ lợi nhuận năm 2009 của BCC. Văn phòng Công ty tạm trích quỹ phúc lợi 50.000.000 theo biên bản số 33/BB-HĐQT ngày 5/8/2009 và công văn số 88/CV-SPT-CĐCS ngày 13/10/2009 được Chủ tịch HĐQT phê duyệt.

Trương Đình Thứ  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Thoà  
Kế toán trưởng



TP.HCM, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Hồ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc